

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/DS-PT

Ngày 12 tháng 5 năm 2023

V/v: *Tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Mỹ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ L2 số: 46/2022/TLPT-DS ngày 21/4/2022 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DSST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐ-PT ngày 12/5/2022 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 16/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Quách Lệ X**, sinh năm 1955, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

1.2 Bà **Quách Kim L**, sinh năm 1957, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

1.3 Ông **Quách Văn Q**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quách Văn Q: Bà Quách Lệ X, (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2021), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Quách Lệ X, bà Quách Kim L: Ông Trần Hiên T, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Công L1**, sinh năm 1976, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, (đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bờ C, xã Điền H, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1980, (đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1980, (có mặt).

3.4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951, (đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa T, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

3.5. Chị Lê Ánh Đ, sinh năm 1976, (có mặt);

3.6. Anh Nguyễn Lát N, sinh năm 1995;

3.7. Anh Nguyễn Nhật (Nhựt) A, sinh năm 2003;

3.8. Chị Trương Thị Bảo X, sinh năm 1997;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đ, chị X, anh N, anh Nhật A: Anh Nguyễn Công L1, sinh năm 1976, (theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2021 và ngày 03/12/2021), (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn Gành H, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Trần Tuấn K, chức vụ: Chủ tịch, (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Quách Lệ X, bà Quách Kim L và ông Quách Văn Q trình bày: Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cha là cụ ông Quách P chết ngày 22/7/2018 và mẹ là cụ bà Huỳnh Thị N2 chết ngày 01/5/2011 để lại. Cụ P và cụ N2 có tất cả 04 người con gồm Quách Lệ X, Quách Kim L, Quách Văn Q và Quách Lệ M (chết ngày 22/9/2019). Hiện di sản nhà đất yêu cầu chia, do anh Nguyễn Công L1 con của Quách Lệ M đang quản lý, sử dụng gồm hai phần. Phần thứ nhất: Diện tích nhà và đất đo đạc thực tế tổng diện tích 1.523,9m² tại thửa số 239, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên ngày 17/5/2004, đến ngày 03/5/2017 chính lý cụ Quách P đứng tên. Phần thứ hai: Diện tích đất đo đạc thực tế tổng diện tích 93,7m² tại thửa số 469, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cụ ông Quách P ngày 17/5/2004. Nguyên đơn còn yêu cầu chia tiền mặt 52.000.000 đồng, bao gồm 25.000.000 đồng tiền cụ ông Quách P gửi ngân hàng, sau đó rút về cho anh L1 mượn và số tiền 27.000.000 đồng anh L1 còn nợ cụ ông Quách P, do nhận chuyển nhượng của cụ ông Quách P 02 công

đất bằng số tiền 30.000.000 đồng, anh L1 mới trả được 3.000.000 đồng, nên còn nợ 27.000.000 đồng; yêu cầu chia giá trị 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất 239, tờ bản đồ số 07 nêu trên; yêu cầu chia tài sản trong nhà gồm: 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 bộ salon gỗ; 01 bộ libăng bằng gỗ; 01 giường hộp bằng gỗ; 01 giường chồng bằng gỗ; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 bộ ván ngựa bằng gỗ; 01 căn nhà nhỏ ngang 4,1m, dài 20m.

Tại đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu chia cụ thể: Chia cho Châu Thành L4 370m² (05m x 74m) đất tại thửa 239, tờ bản đồ số 07, do ông L5 phụ chi phí để làm mồ mả cho ông bà quá cố; diện tích đất còn lại 1.250m² tại thửa 239, tờ bản đồ số 07, chia đều cho Quách Lệ M, Quách Lệ X, Quách Kim L; chia cho Quách Văn Q đất tại thửa số 469, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cụ ông Quách P ngày 17/5/2004. Căn nhà trên đất giá trị 300.000.000 đồng, ai nhận nhà đất thì phải hoàn giá trị mỗi người 1/3 giá trị; tài sản vật dụng đồ gỗ trong nhà giá trị là 100.000.000 đồng, chia đều cho bốn đồng thừa kế.

Đến ngày 10/02/2020 các nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu, không yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản: 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 bộ li văng gỗ; 01 giường hộp bằng gỗ; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 bộ ván ngựa bằng gỗ; 01 bộ salon gỗ; rút yêu cầu chia thừa kế cho Châu Thành L4.

Từ ngày 18/5/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các tài sản cụ thể sau: Phần đất diện tích 1.523,9m² tại thửa số 239, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên, chính L2 cho cụ ông Quách P đứng tên năm 2017 và chia số tiền 52.000.000 đồng; chia đất diện tích 93,7m² tại thửa số 469, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cụ ông Quách P năm 2004 và yêu cầu chia cho ông Q; bà X và bà L không nhận phần được hưởng này mà cho ông Q hưởng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Công L1 trình bày: Ông bà ngoại của anh là cụ bà Huỳnh Thị N2 và cụ ông Quách P có tất cả 04 người con gồm bà X, bà L, ông Q và bà M. Anh là con của bà M, sống cùng với cụ ông Quách P và cụ bà Huỳnh Thị N2 từ lúc 7 tuổi. Ngày 01/5/2011 cụ bà Huỳnh Thị N2 chết, ngày 21/7/2018 thì cụ ông Quách P chết và vào ngày 22/9/2019 bà M chết. Khi cụ ông Quách P còn sống vào năm 2009 có lập di chúc và giấy ủy quyền tài sản cho anh tài sản gồm phần đất diện tích 8.500m² đất nuôi trồng thủy sản và phần đất thổ cư và vườn tạp diện tích 2.800m² tại thửa số 239 và 469, do cụ ông Quách P đứng tên, tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, còn toàn bộ số tài sản khác như 01 căn nhà cấp 4 được xây trên thửa đất 239, tờ bản đồ số 07; 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 bộ salon gỗ; 01 bộ libăng bằng gỗ; 01 giường hộp bằng gỗ; 01 giường chồng bằng gỗ; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 bộ ván ngựa bằng gỗ; 01 căn nhà nhỏ ngang 4,1m, dài 20m, là di sản ông Quách P để lại cho anh được hưởng. Tờ di chúc đề ngày 08/3/2009 và giấy ủy quyền tài sản ngày 11/5/2013 do cụ ông Quách P tự làm, chứng thực xong mới giao lại cho anh vài năm trước khi chết. Từ khi được cho tài sản, anh sử dụng vào việc thờ cúng cho đến nay và đây là di sản cụ ông Quách P để lại cho anh để sử dụng vào mục đích thờ cúng, nên không đồng ý chia theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn H trình bày tại các biên bản ghi lời khai cùng ngày 17/5/2021: Anh T, anh G, anh L2 là con của bà M và ông H, là anh em cùng mẹ khác cha với anh L1. Anh T, anh G, anh L2 và ông H không có ý kiến, yêu cầu gì đối với di sản thừa kế, do anh L1 quyết định và không yêu cầu được hưởng di sản. Nếu được chia tài sản của bà M được hưởng thì không nhận mà cho anh L1 hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Lê Ánh Đ, anh Nguyễn Lát N, anh Nguyễn Nhật A, chị Trương Thị Bảo X trình bày: Chị Đ là vợ anh L1, anh N, anh Nhật A là con chị Đ và anh L1, chị X là con dâu của anh L1 và chị Đ, vợ của anh N hiện đang cùng ở tại nhà đất tranh chấp, không đồng ý yêu cầu chia thừa kế, thống nhất như anh L1 trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu trình bày tại bản tự khai ngày 31/3/2021: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ ông Quách P, sinh năm 1933, tại thửa số 469, tờ bản đồ số 07, diện tích 353m² là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1936 tại thửa số 239, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.800m² là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 21/02/2022 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 04/2022/QĐ-SCBSBA của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Lệ X, bà Quách Kim L và ông Quách Văn Q đối với anh Nguyễn Công L1.

Buộc anh Nguyễn Công L1 có nghĩa vụ giao trả cho bà Quách Lệ X, bà Quách Kim L và ông Quách Văn Q mỗi người 110.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Công L1 có quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ngang 11m, dài một cạnh 69,6 và một cạnh 68,7m) tại thửa số 239, tờ bản đồ số 07 do cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên được chính L2 cho cụ ông Quách P ngày 03/5/2017, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, vị trí cụ thể:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 11m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 11m;

Cạnh hướng Nam giáp phần đất còn lại của cụ ông Quách P (anh Nguyễn Công L1 đang quản L2), cạnh dài 68,7m;

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của bà Quách Lệ X, cạnh dài 69,6m.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của các nguyên đơn yêu cầu chia 01 căn nhà cấp 4 được xây trên thửa đất 239, tờ bản đồ số 07; 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 bộ salon gỗ; 01 bộ libăng bằng gỗ; 01 giường hộp bằng gỗ; 01 giường chông bằng gỗ; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 bộ ván ngựa bằng gỗ; 01 căn nhà nhỏ ngang 4.1m, dài 20m.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, áp dụng lãi suất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03/3/2022 các nguyên đơn bà X, bà L, ông Q kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đến ngày 29/3/2023 nguyên đơn bà X, bà L, ông Q có đơn rút một phần kháng cáo; chỉ kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất đo đạc thực tế lại tại cấp phúc thẩm thửa 239; đối với đất đo đạc thực tế lại tại cấp phúc thẩm thửa 469 chia đất thực tế cho ông Q nhận; bà X và bà L không nhận phần được hưởng để cho ông Q nhận phần của mình; rút kháng cáo chia căn nhà trên đất. Tại phiên tòa nguyên đơn bà X, bà L, ông Q giữ nguyên ý kiến rút một phần kháng cáo nêu trên.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà X và bà L trình bày cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà X, bà L, ông Q có đơn rút một phần kháng cáo; chỉ kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất, cụ thể theo biên bản đo đạc thực tế lại tại cấp phúc thẩm thửa 239, yêu cầu chia thực tế mỗi người một phần cụ thể theo biên bản đo đạc, anh L1 nhận phần đất có nhà trên đất; đối với đất đo đạc thực tế lại tại cấp phúc thẩm thửa 469 chia đất thực tế cho ông Q nhận. Bà X và bà L nếu được nhận thêm tiền chênh lệch từ ông Q hay anh L1 đều tự nguyện không nhận. Anh L1 đồng ý, nếu phải chia thừa kế theo pháp luật nhà đất nêu trên, thì anh cũng đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn, chia cho anh (phần của bà M) phần đất có nhà và đồng ý hoàn tiền chênh lệch tài sản cho người khác theo quy định. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà X, bà L, ông Q chỉ kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất, theo biên bản đo đạc thực tế lại tại cấp phúc thẩm thửa 239 có nhà trên đất (chia phần đất có nhà cho anh L1); thửa 469 chia đất thực tế cho ông Q nhận là có căn cứ, do Tờ di chúc và Tờ ủy quyền tài sản anh L1 cung cấp là không hợp pháp, nên tài sản phải chia theo pháp luật và chia năm kỷ phần, chia cho anh L1 (phần của bà M), có tính thêm cho anh L1 phần công sức đóng góp gìn giữ tài sản. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bà X, bà L và ông Q như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý, đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các nguyên đơn bà X, bà L, ông Q yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ là cụ bà Huỳnh Thị N2 chết ngày 01/5/2011 và cụ ông Quách P chết ngày 22/7/2018 để lại. Cụ ông Quách P và cụ bà Huỳnh Thị N2 có tất cả 04 người con

gồm bà X, bà L, ông Q và bà M (chết ngày 22/9/2019). Di sản yêu cầu chia, kháng cáo là hai diện tích đất do anh L1 con của bà M đang quản L2, sử dụng gồm:

* Diện tích thứ nhất: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lại tại cấp phúc thẩm ngày 25 tháng 7 năm 2022 và trích đo hiện trạng, có diện tích $1.503,5m^2$ đất tại thửa số 239, tờ bản đồ số 7 do cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên, đến ngày 03/5/2017 chính L2 cụ Quách P đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, vị trí cụ thể gồm 4 phần.

- Phần 1: Bà Quách Lệ X yêu cầu nhận, diện tích đất $294,8m^2$, vị trí:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 4,5m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 4,5m;

Cạnh hướng Nam giáp đất phần 2 (yêu cầu chia cho bà M do anh L1 nhận), cạnh dài $49,88m + 15,87m$;

Cạnh hướng Bắc giáp nhà đất của bà Quách Lệ X đang sử dụng cạnh dài $50m + 15,87m$.

Hiện trạng đất trống do anh L1 và gia đình quản lý.

- Phần 2: Yêu cầu chia cho bà Quách Lệ M, (giao cho anh L1) diện tích $412,4m^2$, vị trí:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 6,3m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 6,3m;

Cạnh hướng Nam giáp đất phần 3 (yêu cầu chia cho bà L), cạnh dài $49,73m + 15,88m$;

Cạnh hướng Bắc giáp đất phần 1 (yêu cầu chia giao cho bà X), cạnh dài $49,88m + 15,87m$.

Hiện trạng trên đất là 01 căn nhà ngang 6,3m, dài 19m, khung sườn bê tông cốt thép, tường xây D 100, nền gạch bông, mái tôn xi măng, có giá trị là 20.000.000 đồng; nhà sau ngang 3,6m, dài 12m, do anh L1 và gia đình quản lý, sử dụng.

- Phần 3: Bà Quách Xuân L yêu cầu nhận diện tích đất $398,6m^2$, vị trí:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 6,60m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 5,6m;

Cạnh hướng Nam giáp đất 4 (yêu cầu chia cho ông Q), cạnh dài $49,54m + 15,86m$;

Cạnh hướng Bắc giáp đất phần 2 (yêu cầu chia cho bà Quách Lệ M, giao cho anh L1 nhận) cạnh dài $49,73m + 15,86m$.

Hiện trạng đất trống do anh L1 và gia đình quản lý.

- Phần 4: Ông Quách Văn Q yêu cầu nhận diện tích đất $397,7m^2$, vị trí:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 6,60m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 5,60m;

Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Châu Thành L4 đang quản L2 sử dụng cạnh dài $49,32m + 15,86m$;

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất phần 3 (bà L yêu cầu nhận) cạnh dài 49,54m + 15,86m.

Hiện trạng đất trống do anh L1 và gia đình quản lý; giá trị đất là 1.760.000.000 đồng, (80.000.000 đồng/1m chiều ngang x 22 m).

* Diện tích đất thứ hai: Đo đạc thực tế lại ngày 25 tháng 7 năm 2022 có diện tích 80,3m² tại thửa số 469, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cụ ông Quách P ngày 17/5/2004, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, vị trí cụ thể:

Cạnh hướng Đông giáp lộ Giá Rai – Gành H là 3,9m;

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Phạm Trận là 2,7m;

Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Bùi Trung Trực là 16,17m + 8,09m;

Cạnh hướng Bắc giáp đất Trường Mẫu giáo Măng Non là 16,24m + 8,39m.

Hiện trạng đất trống; giá trị đất là 117.000.000 đồng, (30.000.000 đồng/1m chiều ngang x 3,9 m).

[2.1]. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ, xác định di sản yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.800m² tại thửa số 239, tờ bản đồ số 7, được Ủy ban nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ bà Huỳnh Thị N2 ngày 17/5/2004, chính L2 cho cụ ông Quách P vào ngày 03/5/2017; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 588m² tại thửa số 469, tờ bản đồ số 07 cấp cho cụ ông Quách P ngày 17/5/2004, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

[2.2]. Bị đơn anh L1 không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật, cho rằng được hưởng theo di chúc. Anh L1 cung cấp “Tờ di chúc” đề ngày 08/3/2009 và “Giấy ủy quyền” đề ngày 13/5/2013. Hội đồng xét xử xét thấy: “Tờ di chúc” đề ngày 08/3/2009, có nội dung *“Số đất, nhà cửa nay tôi đã chia và còn lại vợ chồng tôi để hưởng đến khi tuổi già nếu vợ chồng tôi đã qua đời thì phần đất của vợ chồng tôi ai thờ cúng thì người đó được hưởng”; ... “Về thổ cư cộng với nhà tôi đã chia cho đứa cháu ngoại là Nguyễn Công L1 chỉ được ở, không quyền sang bán – nhà ở để thờ cúng. Nếu hoàn cảnh nào, không ở nữa thì chị em lớn nhỏ họp lại, bàn bạc để giao lại cho ai để giữ gìn và thờ cúng và hưởng thêm phần hương quả mà vợ chồng tôi để lại, thực tế bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu”*... Trường hợp ông Lê Chí Th ký tại tờ di chúc khai tại biên bản ngày 25/7/2022, cho rằng do cụ ông P mang di chúc đến nhờ ông Th ký, cũng không xác định là nhìn thấy cụ ông P ký tên vào tờ di chúc. Mặt khác, ông Phạm M Kh Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký tên đóng dấu xác nhận chữ ký ông Th khai, xác định di chúc do anh L1 mang đến nhờ ký, không phải do cụ ông P đi chứng thực. Giám định chữ ký cụ ông Quách P đều kết luận “Tờ di chúc” đề ngày 08/3/2009 nêu trên, là bản photocopy. Như vậy, cần xác định “Tờ di chúc” đề ngày 08/3/2009, là bản photocopy và không có giá trị pháp L2.

Đối với “Giấy ủy quyền” đề ngày 13/5/2013, nội dung cũng chỉ nêu cụ ông Quách P ủy quyền nhà cửa đất đai cho anh L1 thờ cúng hàng năm, không có nội dung di chúc cho anh L1 tài sản cụ thể. Trường hợp ông Phạm Chí Th ký tại Giấy ủy quyền khai ngày 25/7/2022, không nhớ ai mang tờ ủy quyền đến nhờ ông chứng thực. Kết

luận giám định “Giấy ủy quyền” đề ngày 13/5/2013 thì không đủ cơ sở giám định. Như vậy, cần xác định “Giấy ủy quyền” đề ngày 13/5/2013 nêu trên không có cơ sở kết luận cụ ông Quách P ký tên; không có nội dung anh L1 được thừa kế tài sản theo di chúc.

[2.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm anh L1 xác định, nếu phải chia tài sản theo pháp luật, thì anh cũng đồng ý và chia theo yêu cầu của nguyên đơn các diện tích đất trống như đã đo đạc thực tế lại tại cấp phúc thẩm, anh nhận phần đất có nhà, (hưởng phần của bà M được chia), đồng ý hoàn tiền chênh lệch giá trị tài sản cho người khác theo đúng quy định. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà X, bà L và ông Q, chia di sản thừa kế theo pháp luật, gồm: Diện tích đất 1.503,5m² tại thửa số 239, tờ bản đồ số 7 do cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên, được chính L2 cho cụ ông Quách P vào ngày 03/5/2017 và phần đất diện tích 80,3m² tại thửa số 469, tờ bản đồ số 7 do cụ ông Quách P đứng tên.

Đối với diện tích đất 1.503,5m², giá trị 1.760.000.000 đồng/4 (bà M, bà X, bà L, ông Q) là giá trị 440.000.000 đồng một kỷ phần. Như vậy, trong diện tích đất này chia cụ thể như sau:

Chia phần đất thứ nhất cho bà X, có diện tích 294,8m² giá trị là 360.000.000 đồng (4,5m ngang x 80.000.000 đồng/1m), nhưng một kỷ phần là 440.000.000 đồng, nên bà X được nhận thêm tiền chênh lệch là 80.000.000 đồng.

Chia phần đất thứ hai cho bà M có diện tích 412,4m². Người thừa kế của bà M gồm anh T, anh G, ông H, anh L2, anh L1, một kỷ phần là 88.000.000 đồng (440.000.000 đồng/5). Do anh T, anh G, ông H không nhận phần được hưởng mà giao cho anh L1 hưởng, nên anh L1 được nhận, đất giá trị 504.000.000 đồng (6,3m ngang x 80.000.000 đồng) và một kỷ phần là 440.000.000 đồng, nên anh L1 phải hoàn lại tiền chênh lệch khi nhận phần đất này là 64.000.000 đồng. Buộc anh L1 có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà X 64.000.000 đồng. Nhưng do bà X tại phiên tòa tự nguyện cho phần tiền chênh lệch được hưởng từ anh L1, nên anh L1 không phải hoàn tiền cho bà X. Anh L1 phải hoàn tiền cho anh L2 được hưởng là 88.000.000 đồng (440.000.000 đồng/5), do anh L2 tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu nhận phần được hưởng.

Chia phần đất thứ ba cho bà L, đất có diện tích 398,6m² giá trị 448.000.000 đồng (5,6m ngang x 80.000.000 đồng, một kỷ phần là 440.000.000 đồng, nên bà L hoàn lại tiền chênh lệch là 8.000.000 đồng.

Buộc bà L có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà X 8.000.000 đồng. Nhưng do bà X tại phiên tòa tự nguyện cho phần tiền chênh lệch được hưởng từ bà L, nên bà L không phải hoàn tiền cho bà X.

Chia phần đất thứ tư cho ông Q có diện tích 397,7m² đất giá trị 448.000.000 đồng (5,6m ngang x 80.000.000 đồng, một kỷ phần là 440.000.000 đồng, nên ông Q hoàn lại tiền chênh lệch là 8.000.000 đồng.

Buộc ông Q có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà X 8.000.000 đồng. Nhưng do bà X tại phiên tòa tự nguyện cho phần tiền chênh lệch được hưởng từ ông Q, nên ông Q không phải hoàn tiền cho bà X.

Đối với diện tích đất thứ hai 80,3m² tại thửa số 469, tờ bản đồ số 7 do cụ ông Quách P đứng tên ngày 17/5/2004, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, chia cho ông Q nhận và phải hoàn tiền cho người khác, là bà M bà X và bà L mỗi người là 29.250.000 đồng, do đất này có giá trị 117.000.000 đồng (3,9m ngang x 30.000.000 đồng/1m), nên 117.000.000 đồng/4 (bà M, bà X, bà L, ông Q) là 29.250.000 đồng một kỷ phần. Do phần di sản bà X, bà L được hưởng thì bà X và bà L đồng ý cho ông Q không nhận, nên ông Q không phải hoàn tiền cho bà X và bà L. Ông Q phải hoàn tiền cho người thừa kế của bà M là anh T, anh G, ông H, anh L2, anh L1 số tiền 29.250.000 đồng, mỗi người nhận là 5.850.000 đồng (29.250.000 đồng/5). Do anh T, anh G, ông H không nhận phần được hưởng mà giao cho anh L1 hưởng, nên ông Q hoàn trả cho anh L1 23.400.000 đồng, hoàn trả cho anh L2 5.850.000 đồng.

Như vậy, việc các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với hai phần đất nêu trên là có căn cứ chấp nhận, như đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà X và bà L, chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

[3]. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cấp sơ thẩm là 500.000 đồng. Chi phí xem xét thẩm định và định giá lại, chi giám định chữ ký tại cấp phúc thẩm là 6.370.136 đồng, tổng cộng là 6.870.136 đồng, nguyên đơn bà X, bà L, ông Q đã dự nộp, đồng ý tự nguyện nộp, không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Quách Lệ X và Quách Kim L là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định. Bà Quách Lệ X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003774 ngày 12/7/2019 được hoàn lại đủ; bà Quách Kim L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003775 ngày 12/7/2019 được hoàn lại đủ. Ông Quách Văn Q phải nộp án phí dân sự có giá ngạch cụ thể:

Số tiền hưởng theo di sản (giá trị 448.000.000 đồng + (29.250.000 đồng x 3) = 535.750.000 đồng. Phải nộp án phí 20.000.000 đồng + 5.430.000 đồng (4% của 135.750.000 đồng) là 25.430.000 đồng. Ông Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003776 ngày 12/7/2019 được đối trừ, còn phải nộp tiếp 25.130.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh L1 phải nộp án phí cụ thể: Số tiền hưởng theo di sản (504.000.000 đồng - 88.000.000 đồng) + 23.400.000 đồng = 439.400.000 đồng. Phải nộp án phí 20.000.000 đồng + 1.576.000 đồng (4% của 39.400.000.000 đồng) là 21.576.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh L2 phải nộp án phí cụ thể: Số tiền được hưởng 93.850.000 đồng x 5% = 4.692.500 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, trong vụ án này di sản của cụ ông Quách P và cụ bà Huỳnh Thị N2 để lại quyền sử dụng đất còn các phần đất khác, nhưng các đương sự không tranh chấp yêu

cầu nên không đặt ra xem xét. Về thủ tục tố tụng, cấp sơ thẩm thụ L2 vụ án ngày 12/7/2019, đến ngày 22/9/2020 bà Quách Lệ M chết, đáng lẽ phải đưa bà M tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và anh T, anh G, ông H, anh L2, anh L1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M, vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Các phần khác giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm các nguyên đơn không phải nộp theo quy định của pháp luật. Ông Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002133 ngày 04/3/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ khi thu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Quách Lệ X, bà Quách Xuân L, ông Quách Văn Q, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 660 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn bà Quách Lệ X, bà Quách Kim L và ông Quách Văn Q đối với anh Nguyễn Công L1.

1.1 Chia cho bà Quách Lệ X diện tích đất 294,8m² tại thửa số 239, tờ bản đồ số 07 do cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên được chỉnh lý cho cụ ông Quách P đứng tên ngày 03/5/2017, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, vị trí:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 4,5m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 4,5m;

Cạnh hướng Nam giáp đất phần 2 (yêu cầu chia cho bà M do anh L1 nhận), cạnh dài 49,88m + 15,87m;

Cạnh hướng Bắc giáp nhà đất của bà Quách Lệ X đang sử dụng cạnh dài 50m + 15,87m.

1.2 Buộc anh Nguyễn Công L1, chị Lê Ánh Đ, anh Nguyễn L1 N, anh Nguyễn Nhật (Nhật) Anh, chị Trương Thị Bảo X, giao cho bà Quách Lệ X diện tích 294,8m² đất nêu trên.

1.3 Chia cho anh Nguyễn Công L1 diện tích nhà đất 412,4m² tại thửa số 239, tờ bản đồ số 07 do cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên được chỉnh L2 cho cụ ông Quách P đứng tên ngày 03/5/2017, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, vị trí:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 6,3m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 6,3m;

Cạnh hướng Nam giáp đất phần 3 (yêu cầu chia cho bà L), cạnh dài 49,73m + 15,88m;

Cạnh hướng Bắc giáp đất phần 1 (chia giao cho bà X), cạnh dài 49,88m + 15,87m.

Hiện trạng có nhà trên đất do anh L1 và gia đình quản lý, sử dụng.

1.4 Chia giao cho bà Quách Xuân L diện tích đất 398,6m², tại thửa số 239, tờ bản đồ số 07 do cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên được chính L2 cho cụ ông Quách P đứng tên ngày 03/5/2017, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, vị trí:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 6,60m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 5,6m;

Cạnh hướng Nam giáp đất 4 (yêu cầu chia cho ông Q), cạnh dài 49,54m + 15,86m;

Cạnh hướng Bắc giáp đất phần 2 (yêu cầu chia cho bà Quách Lệ M, giao cho anh L1 nhận) cạnh dài 49,73m + 15,86m.

1.5 Buộc anh Nguyễn Công L1, chị Lê Ánh Đ, anh Nguyễn L1 N, anh Nguyễn Nhật (Nhật) Anh, chị Trương Thị Bảo X, giao cho bà Quách X L diện tích 398,6m² đất nêu trên.

1.6 Chia giao cho ông Quách Văn Q diện tích đất 397,7m², tại thửa số 239, tờ bản đồ số 07 do cụ bà Huỳnh Thị N2 đứng tên được chính lý cho cụ ông Quách P đứng tên ngày 03/5/2017, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, vị trí:

Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 6,60m;

Cạnh hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Gành H, cạnh dài 5,60m;

Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Châu Thành L4 đang quản L2 sử dụng cạnh dài 49,32m + 15,86m;

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất phần 3 (bà L yêu cầu nhận) cạnh dài 49,54m + 15,86m.

1.7 Buộc anh Nguyễn Công L1, chị Lê Ánh Đ, anh Nguyễn L1 N, anh Nguyễn Nhật (Nhật) Anh, chị Trương Thị Bảo X, giao cho ông Quách Văn Q bà Quách Lệ X diện tích 397,7m² đất nêu trên.

1.8. Chia giao cho ông Quách Văn Q diện tích đất 80,3m² tại thửa số 469, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cụ ông Quách P ngày 17/5/2004, đất tọa lạc tại ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, vị trí cụ thể:

Cạnh hướng Đông giáp lộ Giá Rai – Gành H là 3,9m;

Cạnh hướng Tây giáp đất ông Phạm Trận là 2,7m;

Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Bùi Trung Trực là 16,17m + 8,09m;

Cạnh hướng Bắc giáp đất Trường Mẫu giáo Măng Non là 16,24m + 8,39m.

1.9. Buộc anh Nguyễn Công L1, chị Lê Ánh Đ, anh Nguyễn L1 N, anh Nguyễn Nhật (Nhật) Anh, chị Trương Thị Bảo X, giao cho ông Quách Văn Q diện tích 80,3m² đất nêu trên.

2. Bà Quách Lệ X, bà Quách Kim L, ông Quách Văn Q và anh Nguyễn Công L1, có quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục, đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các diện tích đất được chia nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

3. Buộc ông Quách Văn Q có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Quách Văn L1 số tiền 23.250.000 đồng, (hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và thanh toán trả cho anh Nguyễn Văn L2 số tiền 5.850.000 đồng, (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Buộc anh Nguyễn Công L1 có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Nguyễn Văn L2 số tiền 88.000.000 đồng, (tám mươi tám triệu đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của các nguyên đơn yêu cầu chia 01 căn nhà cấp 4 được xây trên thửa đất 239, tờ bản đồ số 07; 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 bộ salon gỗ; 01 bộ libăng bằng gỗ; 01 giường hộp bằng gỗ; 01 giường chông bằng gỗ; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 bộ ván ngựa bằng gỗ.

7. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí photo hồ sơ, giám định chữ ký tổng cộng là 6.870.136 đồng, nguyên đơn bà Quách Lệ X, bà Quách Kim L và ông Quách Văn Q đã dự nộp, đồng ý tự nguyện nộp, không yêu cầu giải quyết.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Quách Lệ X và Quách Kim L là người cao tuổi, được miễn án phí. Bà Quách Lệ X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0003774 ngày 12/7/2019 được hoàn lại. Bà Quách Kim L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0003775 ngày 12/7/2019 được hoàn lại.

Ông Quách Văn Q phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 25.430.000 đồng. Ông Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0003776 ngày 12/7/2019 được đối trừ, còn phải nộp tiếp 25.130.000 đồng, (hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi nghìn đồng), tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Nguyễn Công L1 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 21.576.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Nguyễn Văn L2 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 4.692.500 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm các nguyên đơn không phải nộp theo quy định của pháp luật. Ông Quách Văn Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002133 ngày 04/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ khi thu án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCCTPHCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông H;
- Chi Cục THADS huyện Đông H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP;

Nguyễn Thị Thu Hương

Thành viên Hội đồng xét xử

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương